

Bản án số: 116/2025/HS-ST
Ngày 08-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Lợi;

2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025 tại Hội trường A - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Trọng T, sinh năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Số C đường P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số C đường N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Đổ rác; trình độ học vấn: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; con ông Phạm Thanh H, sinh năm 1975 và bà Võ Thị Phương T1, sinh năm 1978; bị cáo có 09 chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2015; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Ngày 10/01/2019, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2019/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/10/2021, chưa đóng án phí và bồi thường dân sự; tiền sự: Ngày 11/3/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 21 tháng, theo Quyết định số: 73/QĐ-TA, chấp hành xong quyết định ngày 16/9/2023; nhân thân:

- Ngày 25/7/2012, bị Công an quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 325.000 đồng về hành vi “Tụ tập nhiều người nơi công cộng nhưng chưa đến mức xử lý hình sự”, theo Quyết định số: 046704/QĐ-XPHC, đóng tiền phạt xong ngày 26/7/2012;

- Ngày 27/7/2012, bị UBND phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường với thời gian 06 tháng, kể từ ngày 27/7/2012 đến ngày 27/01/2013, theo Quyết định số: 604/QĐ-UBND;

- Ngày 05/3/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 01 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2013/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/12/2013, đóng án phí ngày 08/4/2013;

- Ngày 02/02/2015, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng, theo Quyết định số: 47/QĐ-TA, chấp hành xong quyết định ngày 06/6/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2024 cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại*: Bà Phạm Thu S, sinh năm 1998; thường trú: Thôn B, xã K, thành phố K, tỉnh Kon Tum; chỗ ở: Số B đường N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Võ Thị Phương Thanh P, sinh năm 1978; địa chỉ: Số A khu phố C, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

* *Người tham gia tố tụng khác*:

- *Người làm chứng*: Ông Hoàng Lê Phương T2; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Trọng T là người không có nghề nghiệp ổn định và sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 02 giờ ngày 04/11/2024, T đi bộ từ phòng trọ số C N, khu phố Đ, phường D đi đến các dãy trọ gần đó để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến trước dãy trọ số B N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì thấy dãy trọ không khoá cổng. T cầm điện thoại Realme Note 50 bật đèn nhìn đường đi vào trong dãy trọ. Khi T đi đến phòng số 4 của bà Phạm Thu S thì thấy cửa khép hờ, đèn phòng sáng. Tín đẩy cửa ra nhưng không thấy ai, trong phòng có 01 xe mô tô đang mở sẵn cốp xe, trong cốp xe có 01 túi xách đeo vai màu trắng kem nâu, 01 túi xách nhỏ cầm tay màu trắng nên T cầm và đi ra ngoài dãy trọ. Khi về phòng trọ, Tín kiểm tra phát hiện trong 01 túi xách đeo vai bên trong có 1 cái lắc tay bi vàng, 01 cái nhẫn vàng có đính đá, 01 cái ví giấy tờ bên trong có 200.000 đồng, 01 giấy căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cùng mang tên Phạm Thu S. Đến 05 giờ cùng ngày, T mang theo cái lắc tay bi vàng, 01 cái nhẫn vàng có đính đá để tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến ngã tư giao nhau giữa đường T và đường C, thuộc Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, T gặp 01 người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) làm nghề thu mua điện thoại cũ nên T hỏi có mua vàng không đồng thời đưa ra 01 cái lắc tay bi và 01 cái nhẫn có đính đá, người đàn ông này nói Tín chờ để đi thử vàng. Khoảng 30 phút sau thì người đàn ông này quay lại nói mua lắc tay bi và nhẫn có đính đá của T với giá tiền 5.250.000 đồng thì T đồng ý. Số tiền 200.000 đồng có trong giỏ của bà S và tiền bán vàng T đã tiêu xài cá nhân hết. Chiều cùng ngày, T mang 02 cái túi xách và 01 ví mang đến khu vực gần sân vận động D cũ, nằm trên đường N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương vứt vào thùng

rác. Vài ngày sau, T mang 01 giấy căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cùng mang tên Phạm Thu S đến phòng trọ của bà Võ Thị Phương T1 (mẹ của T) tại số A P, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh để trong túi xách màu xanh của bà T1.

Ngày 28/11/2024, bà Phạm Thị S1 xem lại camera của dãy trọ thì nghi ngờ T là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của mình nên bà S1 đến Công an phường D trình báo sự việc. Cùng ngày, Công an phường D yêu cầu Phạm Trọng T về trụ sở làm việc. Tại đây, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme Note 50, dung lượng 128GB, số imeil 861421070403130, số imei2 861421070403122 và 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cùng mang tên Phạm Thu S; 01 USB ghi lại hình ảnh T đi vào và đi ra dãy trọ của bà S.

* Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 225/KLĐG-HĐĐGTS ngày 05/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự - UBND thành phố D, kết luận: 01 túi xách, loại cầm tay màu trắng trị giá 17.500 đồng; 01 ví màu đen trị giá 12.500 đồng; 01 túi xách, loại đeo vai màu trắng kem nâu trị giá 50.000 đồng; 01 nhẫn bằng vàng 18k, trọng lượng 0,351 chỉ có đính 01 hột trắng 07 ly (hạt nhân tạo) trị giá 2.162.160 đồng; 01 lắc tay bi bằng vàng 18k, trọng lượng 01 chỉ trị giá 6.160.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 8.602.160 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản số: 225/KLĐG-HĐĐGTS ngày 05/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự - UBND thành phố D.

Đối với người đàn ông mua 01 cái lắc tay bi và 01 cái nhẫn có đính đá của Phạm Trọng T, hiện không rõ nhân thân, lai lịch nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với bà Võ Thị Phương T1 là mẹ ruột của bị cáo Phạm Trọng T, T có mang 01 giấy căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cùng mang tên Phạm Thu S cất trong túi xách của bà T1 nhưng bà T1 không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà T1.

Tại cáo trạng số: 127/CT – VKS - DA ngày 12 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Trọng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Trọng T với mức hình phạt từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme Note 50, dung lượng 128GB, số imeil 861421070403130, số imei2 861421070403122, là công cụ phương tiện bị cáo Phạm Trọng T sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cùng mang tên Phạm Thu S, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương trả lại cho bà S nên không đặt ra xem xét.
- Đối với 01 USB được niêm phong ghi lại hình ảnh bị cáo Phạm Trọng T đi vào và đi ra dãy trọ của bà S, cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo cùng với mẹ bị cáo là bà Võ Thị Phương T1 đã bồi thường cho bị hại Phạm Thu S giá trị tài sản bị chiếm đoạt với số tiền 8.000.000 đồng, bị hại S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà T1 không yêu cầu gì khác nên trách nhiệm không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát, đồng thời trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị hại Phạm Thu S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 02 giờ ngày 04/11/2024 tại phòng trọ số dãy trọ số B N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Phạm Trọng T có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 200.000 đồng cùng với 01 túi xách, loại cầm tay màu trắng trị giá 17.500 đồng; 01 ví màu đen trị giá 12.500 đồng; 01 túi xách, loại đeo vai màu trắng kem nâu trị giá 50.000 đồng; 01 nhẫn bằng vàng 18k, trọng lượng 0,351 chỉ có đính 01 hột trắng 07 ly (hạt nhân tạo) trị giá 2.162.160 đồng; 01 lắc tay bi bằng vàng 18k, trọng lượng 01 chỉ trị giá 6.160.000 đồng của bị hại Phạm Thu S. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 8.602.160 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị 8.602.160 đồng của bị hại, đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 127/CT – VKS - DA ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội mới với lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo cùng với gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại đồng thời sau khi phạm tội bị cáo đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu thể hiện bị cáo là người có tiền án, tiền sự chưa được xóa, đồng thời sử dụng trái phép chất ma túy và không có nghề nghiệp nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo có nhân thân xấu, bản thân bị cáo là người sử dụng trái phép chất ma túy, hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên áp dụng phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Xét 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme Note 50, dung lượng 128GB, số imeil 861421070403130, số imei2 861421070403122, là công cụ phương tiện bị cáo Phạm Trọng T sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu vào Ngân sách Nhà nước;

- Đối với 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cùng mang tên Phạm Thu S, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương trả lại cho bà S nên không đặt ra xem xét.

- Đối với 01 USB được niêm phong ghi lại hình ảnh bị cáo Phạm Trọng T đi vào và đi ra dãy trọ của bà S nên cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo cùng với mẹ bị cáo là bà Võ Thị Phương T1 đã bồi thường cho bị hại Phạm Thu S giá trị tài sản bị chiếm đoạt với số tiền 8.000.000 đồng, bị hại S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà T1 không yêu cầu gì nên trách nhiệm không đặt ra xem xét.

[10] Đối với người đàn ông mua 01 cái lắc tay bi và 01 cái nhẫn có đính đá của Phạm Trọng T, hiện không rõ nhân thân, lai lịch nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau và đối với bà Võ Thị Phương T1 là mẹ

ruột của bị cáo Phạm Trọng T, T có mang 01 giấy căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cùng mang tên Phạm Thu S cất trong túi xách của bà T1 nhưng bà T1 không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà T1, là đúng theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố D, tỉnh Bình Dương đưa ra những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo, xử lý vật chứng cũng như trách nhiệm dân sự là phù với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Trọng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Trọng T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/11/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 89; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme Note 50, dung lượng 128GB, số imei1: 861421070403130, số imei2: 861421070403122, tại thời điểm giao nhận kiểm tra được số imei 1, 2.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/3/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Trọng T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

